

Số: 169/BC-PT DTNT

Cư M'gar, ngày 23 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường PT DTNT THCS Huyện báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính như sau:

A. BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên trường: Trường PT DTNT THCS Huyện Cư M'gar.
- Tên trước đây: Trường PT DTNT THCS Huyện Cư M'gar.

2. Địa chỉ:

- Đường Lê Hữu Trác, Thị trấn Quảng Phú, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại: 02623 834165
- Website: <http://ptdnt.pgddtcumgar.edu.vn>
- Email: dtnt@pgddtcumgar.edu.vn

3. Loại hình, nhiệm vụ:

- Loại hình: Công lập.
- Cơ quan chủ quản: UBND Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện giáo dục đặc thù cho học sinh người dân tộc thiểu số nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, trường PT DTNT THCS Huyện có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2; là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục của nhân dân trong Huyện.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt Nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2030, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Năm 1993, Trường PT DTNT Cư M'gar được thành lập theo quyết định số 82/TCCB ngày 10-11-1993 của giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

Trường PT DTNT THCS Cư M'gar là một trong những ngôi trường chuyên biệt của huyện Cư M'gar với nhiệm vụ đào tạo học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, nhằm tạo nguồn cán bộ người dân tộc cho địa phương. Trải qua 30 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự nỗ lực phấn đấu của các thế hệ thầy giáo, cô giáo và học sinh, trường PT DTNT THCS Cư M'gar đã có những bước tiến vượt bậc và đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong công tác dạy và học.

Kể từ khi thành lập đến nay, trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập của con em Đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn một số thôn buôn của huyện, đồng thời đã có những đóng góp nhất định cho ngành Giáo dục của huyện, cùng với chính quyền địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị - xã hội. Qua quá trình xây dựng và phát triển, trường PT DTNT THCS Cư M'gar luôn được UBND các cấp, ngành Giáo dục đánh giá cao về kết quả công tác giáo dục và các hoạt động chính trị, xã hội, các phong trào thi đua. Đó chính là động lực để các thế hệ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường PT DTNT THCS Cư M'gar phấn đấu không ngừng, ra sức thi đua dạy tốt, học tốt đạt nhiều kết quả đáng khích lệ.

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo học sinh là con em đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn huyện, nhằm tạo nguồn cán bộ người dân tộc cho địa phương, góp phần thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi trong việc học tập của con em đồng bào dân tộc ít người ở các thôn buôn trên địa bàn huyện. Từ đó trường PT DTNT THCS Cư M'gar được hình thành.

Hiệu trưởng của nhà trường qua các thời kỳ:

- Từ tháng 11/1993 đến tháng 9/2002 là thầy Trần Văn Hòa
- Từ tháng 10/2002 đến tháng 9/2010 là thầy Nguyễn Phùng Văn
- Từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2020 là thầy Nguyễn Thành Vinh
- Từ tháng 2/2020 đến tháng 12/2022 là thầy Nguyễn Hữu Công
- Từ tháng 07/2023 đến nay là thầy Nguyễn Huy Hoan

Những ngày đầu mới thành lập với nhiều khó khăn như: cơ sở vật chất, thiết bị nghèo nàn, thiếu thốn chưa thể đáp ứng được nhu cầu tối thiểu phục vụ việc ăn ở và dạy học, ... lúc bấy giờ nhà trường còn phải dạy và học chung với Trung tâm giáo dục thường xuyên, đến năm 2002 khu ký túc xá hiện nay tại trường mới được xây dựng xong và đưa vào sử dụng, các em học sinh có chỗ ăn, ở khang trang hơn, nhưng công việc dạy và học vẫn đang ở Trung tâm giáo dục thường xuyên.

Từ năm 2002 đến năm 2024, trường liên tục phát triển về nhiều mặt: Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng hoàn thiện, giáo dục của trường hàng năm đều có học sinh giỏi các cấp về văn hóa, thể dục thể thao. Liên tục từ năm 2007 đến nay, trường đạt nhiều thành tích cao về chất lượng đại trà, số học sinh tốt nghiệp bình quân luôn đạt 100%, thi tuyển vào lớp 10 THPT DTNT luôn duy trì trên mặt bằng cao của tỉnh, giữ vị trí số 1, 2 trên cụm 8 trường vào trường PT THPT DTNT.

Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau với mục tiêu duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu, đã và sẽ trở thành một địa chỉ tin cậy của nhân dân, học sinh trên địa bàn huyện.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Huy Hoan.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Đường Lê Hữu Trác, Thị trấn Quảng Phú, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Số điện thoại: 0905362828

- Email: huyhoandlk78@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Trường PT DTNT THCS Huyện Cư M'gar được thành lập theo quyết định số 82/TCCB ngày 10-11-1993 của giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được công nhận theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT), Chủ tịch Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Cư M'gar.

Hội đồng trường gồm 09 thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ công tác hiện nay	Chức vụ Hội đồng trường	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Huy Hoan	Bí thư chi bộ-Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Ông Lê Ngọc Sơn	GV- TKHĐ	Thư ký	
3	Ông Hồ Công Mậu	CTCD	Thành viên	
4	Ông Chu Văn Vệ	Tổ trưởng QLNT	Thành viên	
5	Bà Phan Thị Lâm	Tổ phó KHTN	Thành viên	
6	Bà Bùi Thị Hường	Tổ trưởng VP	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Phùng Quang Hiếu	Tổng PTĐ	Thành viên	
8	Ông Y Gam Niê Kdăm	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên	
9	Em H Rên Niê Kdăm	Học sinh	Thành viên	

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

7.3.1 Hiệu trưởng: Nguyễn Huy Hoan.

+ Ngày tháng năm sinh: 29/10/1978.

+ Luân chuyên và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường PT DTNT THCS Huyện ngày 03 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 01/7/2023 của UBND huyện Cư M'gar.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 01 năm.

7.3.2 Phó hiệu trưởng: Nguyễn Công Long

+ Ngày tháng năm sinh: 04/02/1978.

Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường PT DTNT THCS vào ngày 18/01/2019 theo quyết định số 15a/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND huyện Cư M'gar.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 5 năm.

7.3.3 Phó hiệu trưởng: Vương Thị Hương

+ Ngày tháng năm sinh: 11/04/1982.

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường PT DTNT THCS vào ngày 5/9/2023 theo quyết định số 4802/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND huyện CưM'gar.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 1 năm.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.4.1. Cơ chế hoạt động của trường PT DTNT THCS Huyện

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, phó tổ trưởng; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đặc thù và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Trường PT DTNT THCS Huyện Cư M'gar được thành lập theo quyết định số 82/TCCB ngày 10-11-1993 của giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk. Địa điểm trường có vị trí địa lý trung tâm huyện nên rất thuận lợi, giao thông

thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường PT DTNT THCS trọng điểm của Tỉnh Đắk Lắk.

- Trường PT DTNT THCS Huyện Cư M'gar là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Cư M'gar thực hiện theo cơ chế trường đặc thù, hoạt động theo Quy chế 04/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù cho học sinh theo quy chế hoạt động của trường PT DTNT ban hành kèm theo thông tư 04/2023 của Bộ GD – ĐT.

- Nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của học sinh; tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù theo quy định của Bộ GD – ĐT.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ trực thuộc Huyện ủy gồm 14 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 24 công đoàn viên.
- + Và các hội đồng khác trong nhà trường.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được UBND huyện CưM'gar giao năm 2024:

Số biên chế được giao năm 2024: 25

Số biên chế hiện tại: 24

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó Hiệu trưởng	2	1	0	0	02	0	
Giáo viên	10	4	0	0	10	0	
Nhân viên	11	10	1	0	11	0	
Cộng	24	15	1	0	24	0	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường PTDTNT THCS huyện Cư M'gar năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	24	0	0	16	2	1	5	6	7			0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	10	0	0	10	0	0	0				10	0	0
1	Toán	3	0	0	3	0	0	0	2	1		3	0	0
2	KHTN	2	0	0	2	0	0	0	2	0		2	0	0
3	Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
4	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
5	Ngữ văn	2	0	0	2	0	0	0	0	2		2	0	0
6	Tiếng Anh	1	0	0	1	0	0	0	0	1		1	0	0
7	GDCD	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
8	Lịch sử-Địa lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
9	GDTC	1	0	0	1	0	0	0	0	1		1	0	0
10	NT (Mỹ Thuật)	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
11	NT (Âm nhạc)	1	0	0	1	0	0	0	1	0		1	0	0
12	HĐTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
13	GDDP	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	1	0	0	0	0	2	0	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0	0	2	0
III	Nhân viên	11	0	0	3	2	1	5						
1	NV văn thư	1	0	0	1	0	0	0						
2	NV kế toán	1	0	0	0	1	0	0						
3	Giáo vụ	1	0	0	0	1	0	0						

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	24	0	0	16	2	1	5	6	7			0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0						
5	NV thư viện	1	0	0	1	0	0	0						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0						
7	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	0						
8	Bảo vệ (NĐ 111)	1	0	0	0	0	0	1						
9	NV cấp dưỡng	03	0	0	0	0	0	3						
10	Nhân viên tạp vụ	1	0	0	0	0	0	1						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất của PT DTNT THCS Huyện năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Năm báo cáo	
		Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	04 phòng	1,35m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	04 phòng	39 hs/lớp
2	Phòng học bán kiên cố	0/	-
3	Phòng học tạm	0/	-
4	Phòng học nhờ	0/	-
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	11.683,2 m ²	75,3 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1350 m ²	8,7 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	882 m ²	5,7m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	54 m ²	1,35m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	110m ²	0,71m ²

3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng. (m ²)	360 m ²	2,3 m ²
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	54 m ²	1,35m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54 m ²	1,35m ²
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	54 m ²	1,35m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	82 m ²	0,52 m ²
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hoặc hòa nhập (m ²)m ²	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội. (m ²)	54 m ²	1,35m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	04 bộ	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.	04 bộ	Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	02	02
1.2	Khối lớp 7	02	02
1.3	Khối lớp 8	02	02
1.4	Khối lớp 9	02	02
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60 bộ	
IX	Tổng số thiết bị dụng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	04 cái	1lớp
2	Cát xét	01 cái	lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	cái	lớp
4	Máy chiếu đa vật thể	01 cái	lớp
5	Máy chiếu	03 cái	lớp
6	Bảng tương tác	01cái	lớp

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	7	1.0
2	Cát xét	1	Dùng chung
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	Dùng chung
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	Dùng chung
5	Màn hình Led	1	Dùng chung
6	Loa âm thanh	3	Dùng chung

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	60
XI	Nhà ăn	170

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	20, 500m ²	200	2.5

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		x
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	
XX	Khu GD Thể chất riêng biệt	x	
XXI	Nhà để xe GV, nhà để xe khách	X	
XXII	Nhà bảo vệ	X	
XXXIII	Phòng trực giáo viên	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Trường PT DTNT THCS Huyện đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo

thông tư 18/2018, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường PT DTNT THCS Huyện đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường PT DTNT THCS Huyện đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên và các nhóm chuyên trách với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan. Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

- Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 12/2025 nhằm đạt KĐCL cấp độ 3 và CQG mức độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường PT DTNT trung học cơ sở Huyện, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định hiện hành của BGD – ĐT về TS các trường PT DTNT	Theo quy định hiện hành của BGD – ĐT về TS các trường PT DTNT	Theo quy định hiện hành của BGD – ĐT về TS các trường PT DTNT	Theo quy định hiện hành của BGD – ĐT về TS các trường PT DTNT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 97%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 97%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 97%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 97%trở lên.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học đủ 4 năm bậc THCS	Học đủ 3 năm bậc THCS	Học đủ 2 năm bậc THCS	Hoàn thành chương trình bậc THCS, TN.THCS và vào lớp 10 PT DTNT THPT
VII	Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đặc thù cho học sinh DTTS	Thực hiện đạt 100% theo kế hoạch GDNT đã ban hành	Thực hiện đạt 100% theo kế hoạch GDNT đã ban hành	Thực hiện đạt 100% theo kế hoạch GDNT đã ban hành	Thực hiện đạt 100% theo kế hoạch GDNT đã ban hành

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường PT DTNT trung học cơ sở Huyện năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	155	35	40	40	40
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	154(99,3)	35(100)	39(97,5)	40(100)	40(100)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1(0,7)	0	1(2,5)	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	155	35	40	40	40
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	59(38)	7(20)	6(15)	14(35)	32(80)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	94(60)	28(80)	32(80)	26(65)	8(20)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2(2)	0	2(5)	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	155	100.0	100.0	100.0	100.0
a	Học sinh giỏi(tỷ lệ so với tổng số)		1(3,5)	0	0	0
b	Học sinh tiên tiến(tỷ lệ so với tổng số)		7(20)	6(15)	13(32,5)	32(80)
2	Thi lại(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0	0
1	Cấp huyện	25	0	0	2	23
2	Cấp tỉnh/thành phố	10	0	0	2	8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1	0	0	0	1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	40				40
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	40				40

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					32(80)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					8(20)
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)					0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ					
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	155	35	40	40	40

3. Công khai thông tin chất lượng giáo dục kết quả các cuộc thi các cấp năm học 2023 – 2024

+ HSG cấp huyện văn hóa lớp 9 đạt tỉ lệ 150 % so với kế hoạch cấp tỉnh 3 tỉ lệ 300 % so với kế hoạch

- HSG văn hóa, IOE, VIOEDU khối 6,7,8 đạt 25 em, tỉ lệ đạt đạt tỉ lệ 80% so với kế hoạch. Số lượng 25 học sinh tham gia và công nhận cấp trường 12 em, trong đó tham gia kỳ thi cấp huyện đạt 13 em.

+ HKPD cấp tỉnh 6 đạt tỉ lệ 200 %. Cấp huyện 17 đạt 150 % cấp trường 30 tỉ lệ 100% so với kế hoạch.

+ Thi IOE cấp trường có 12 em dự thi có 10 đạt cấp trường, 02 em đạt cấp huyện.

+ Thi VIOEDU cấp trường có 15 em trong đó đạt giải cấp trường 09 cấp huyện.

+ KHKT cấp huyện: 02 giải (01 Nhất, 01 Nhì); Cấp Tỉnh: 01 giải Nhì.

+ ST TTN NĐ Cấp Tỉnh: 02 giải (01 Nhất, 01 KK); Toàn Quốc: 01 KK.

+ Tham gia Văn hóa Thiếu nhi các dân tộc Tỉnh: 01 Giải Nhất

+ Ngày hội VH – VN Các trường PT DTNT , PT DTBT Toàn Tỉnh: Giải Nhì toàn đoàn.

+ Cuộc thi vẽ về gia đình: Đạt giải 3 cấp Huyện.

+ Tham gia các tiết mục văn nghệ biểu diễn 40 năm Thành lập huyện; 30 năm thành lập trường; Đại hội Liên Hiệp thanh Niên Huyện; Đại hội các dân tộc thiểu số huyện, liên hoan truyền thanh huyện...

4. Công khai thông tin chất lượng chất lượng đội ngũ: năm học 2023 – 2024

4.1. CBQL

- Hiệu trưởng: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ.

- Phó hiệu trưởng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4.2. GV – NV

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 04 viên chức (tỷ lệ: 19.05 %)

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 17 viên chức (tỷ lệ 80.95 %)

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 00 viên chức (tỷ lệ: 0%)

+ Lao động tiên tiến 24 tỷ lệ 100%

- + Chiến sĩ thi đua cơ sở: 6 tỷ lệ 25.0 %
- + Giấy khen cấp huyện: 7
- +100% hoàn thành kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên được công nhận.

5. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác:

5.1 Tập thể đơn vị: Cuối năm nhà trường đạt tập thể Lao động tiên tiến xuất sắc.

5.2 Công Đoàn: Công đoàn vững mạnh

5.3 Liên đội: Đạt vững mạnh, được Hội đồng đội khen.

5.4 Nhà trường: Đạt chuẩn về an toàn an ninh trật tự, đơn vị văn hóa 5 năm liền.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh Phí:

+ Ngân sách nhà nước	: 6.719.042.263,0đồng
+ Học phí	: 0 đồng
+ Thu khác	:

Trong đó

- KP BDD CMHS: 15.500.000 đ (155 hs; đ/mức:100.000đ/hs/năm)
- Quỹ Đội TN TPHCM: 2.790.000 đ(155hs; đ/mức:18.000đ/hs/năm)
- Bảo hiểm thân thể hs: 15.500.000 (155hs; đ/mức:100.000đ/hs/năm)
- Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt

động khác):

1.2. Các khoản chi phân theo:	6.719.042.263,0đồng
- Chi tiền lương và thu nhập	: 3.463.968.014,0đồng
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	: 750.032.619,0đồng
- Chi hỗ trợ người học	: 2.472.804.630,0đồng
- Chi khác	: 32.237.000,0đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Các khoản thu trong năm học 2024-2025: 0 đồng .

+ Thu khác: Trong đó

- KP BDD CMHS: 30.000.000 đ (150 hs; đ/mức:200.000đ/hs/năm)
- Quỹ Đội TN TPHCM: 2.700.000 đ(150hs; đ/mức:18.000đ/hs/năm)
- Bảo hiểm thân thể hs: 22.500.000 (150hs; đ/mức:150.000đ/hs/năm)

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo qui định

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Số dư các quỹ theo quy định:

- Ngân sách nhà nước : 0
- Học phí : 0
- Thu khác : 0

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

B. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyên biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 9/2024.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách của UBND huyện CưM'gar.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 7 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: Phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo đến phụ huynh học sinh trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: Tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết báo cáo thường niên.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 của trường PT DTNT THCS
Huyện Cư M'gar.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Thông báo (niêm yết);
- Công thông tin nhà trường (c/k);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Huy Hoan